

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2025/DS-ST

Ngày 24/3/2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất; tranh chấp hợp
đồng góp vốn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Trương Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS, ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mai T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ: Bon S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng P – Phòng G; địa chỉ: Số A T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Từ ngày 28/8/2019 đến cuối năm 2021 bà Trần Thị Mai T và ông Nguyễn Văn T1 có phát sinh việc hợp tác góp vốn làm ăn chung đối với mặt hàng hoa lan, quá trình góp vốn bà T đã nhiều lần chuyển khoản cho ông T1 với tổng số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), quá trình làm ăn

ông T1 đã sử dụng số tiền của bà T không đúng mục đích dẫn đến thua lỗ, đến ngày 20/7/2023 giữa bà T và ông T1 có lập với nhau biên bản thỏa thuận, nội dung biên bản thể hiện ông T1 sử dụng tiền bà T đầu tư có xảy ra thua lỗ, ông T1 chịu trách nhiệm khắc phục cho bà T số tiền 1.850.000.000 đồng, ông T1 đã chuyển khoản trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 1.750.000.000 đồng; đối với số nợ 1.750.000.000 đồng ông T1 sẽ trả cho bà T theo hình thức chuyển nhượng cho bà T 1000m² đất tại bon Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (tương ứng với số tiền 1.000.000.000 đồng); còn số tiền 750.000.000 đồng ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T trong thời hạn 02 năm tính từ ngày 20/7/2023 (thời hạn mỗi lần trả nợ cách nhau 05 tháng, lần đầu trả 200.000.000 đồng, những lần sau trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ).

Ngoài biên bản thỏa thuận ngày 20/7/2023 thì giữa bà T và ông T1 còn lập với nhau giấy mua bán đất thể hiện nội dung ông T1 có chuyển nhượng cho bà T 1000m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, từ khi lập biên bản và giấy mua bán đến nay thì ông T1 không thực hiện đúng cam kết như đã thỏa thuận về việc chuyển nhượng diện tích 1000m² đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và trả số tiền 750.000.000 đồng cho bà T như đã thỏa thuận.

Do đó bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông giải quyết tuyên hủy giấy mua bán đất ngày 20/7/2023 giữa ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Mai T và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bà Trần Thị Mai T số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 20/01/2024 đến ngày 20/10/2024 là $1,66\% \times 09 \text{ tháng} = 149.400.000$ đồng toàn bộ lãi suất chậm trả kể từ ngày 21/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và lãi suất chậm trả; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết tuyên hủy giấy mua bán đất ngày 20/7/2023 giữa ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Mai T; Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bà Trần Thị Mai T số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày 20/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền $1.000.000.000 \times 0,83\% \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 118.690.000$ đồng.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ấn định thời gian làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

- Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P – Phòng G trong quá trình giải quyết vụ án: Tại hợp đồng tín dụng số 32226/22MN/HĐTD ngày 03/8/2022, phục lục hợp đồng tín dụng số 32223/22MN/HĐTD/PL1 ngày 10/01/2023 ông Nguyễn Văn T1 được Ngân hàng P – Phòng G (P) giải ngân cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/12/2025; để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng ông Nguyễn Văn T1 đã thế chấp cho P Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA131923 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày

05/7/2021 và Q sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04607 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 31/5/2021.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HDBak đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA131923 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/7/2021 để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: áp dụng quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 357; Điều 408, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về Tuyên giấy mua bán đất ngày 20/7/2023 giữa anh Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Mai T vô hiệu; Buộc anh T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền là 1.000.000.000 đồng. Yêu cầu anh T1 phải trả cho bà T số tiền lãi là 118.690.000 đồng.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Mai T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu giấy mua bán đất ngày 20/7/2023 giữa ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Mai T; Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho bà Trần Thị Mai T số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả, nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp vốn và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn T1: Theo kết quả xác minh tại Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông thể hiện ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, hiện tại ông Nguyễn Văn T1 đã bán nhà đi khỏi địa phương, khi đi ông T1 không báo với chính quyền địa phương, do đó địa phương không nắm được hiện tại ông T1 đang ở đâu, vậy

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông T1 vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil để làm việc.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P1 – Phòng G: Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng P1 – Phòng G đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và lãi suất chậm trả, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 28/8/2019 đến cuối năm 2021 bà Trần Thị Mai T và ông Nguyễn Văn T1 có góp vốn để đầu tư mặt hàng hoa lan (không lập hợp đồng góp vốn), quá trình hợp tác làm ăn bà T đã chuyển khoản cho ông T1 tổng số tiền là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), việc đầu tư mua bán lan của ông T1 thua lỗ, nên ngày 20/7/2023 bà T, ông T1 có lập biên bản thỏa thuận với nội dung ông T1 sử dụng tiền bà T đầu tư có xảy ra thua lỗ, ông T1 chịu trách nhiệm khắc phục cho bà T số tiền 1.850.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*), ông T1 đã trả được cho bà T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), số tiền còn lại 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*), ông T1 sẽ trả cho bà T theo hình thức ông T1 sẽ chuyển nhượng cho bà T 1000m² đất (tương ứng với số tiền 1.000.000.000 đồng) thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA131923 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/7/2021 (hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đang thế chấp tại Ngân hàng P – Phòng G, theo hợp đồng thế chấp số 27834/22MN/HĐBĐ, ngày 03/08/2022 và phục lục hợp đồng thế chấp số 27834/22MN/HĐBĐ/PL01 ngày 10/01/2023); còn số tiền 750.000.000 đồng ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T trong thời hạn 02 năm tính từ ngày 20/7/2023 (thời hạn mỗi lần trả nợ cách nhau 05 tháng, lần đầu trả 200.000.000 đồng, những lần sau trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ).

Ngoài ra, bà T, ông T1 còn lập với nhau 01 giấy mua bán đất ngày 20/7/2023, với nội dung ông Nguyễn Văn T1 có chuyển nhượng cho bà Trần Thị Mai T diện tích đất 1000m² (ngang 14m, dài 72m) thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), thời hạn thực hiện việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/01/2024, đối với giấy mua bán đất các bên không tiến hành việc giao, nhận tiền và bàn giao đất ngoài thực địa theo quy định của pháp luật, các bên ký kết hợp đồng mua bán đất xuất phát từ hợp đồng đầu tư, góp vốn mua bán hoa lan năm 2019, do ông T1 vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận

theo biên bản thỏa thuận ngày 20/7/2023 và giấy mua bán đất ngày 20/7/2023, nên các bên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Đối với yêu cầu về tuyên bố giấy mua bán đất vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, bởi lẽ:

- Ngày 20/7/2023 bà Trần Thị Mai T và ông Nguyễn Văn T1 xác lập hợp đồng mua bán đất đối với diện tích đất 1000m² thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Tuy nhiên tại bản trình bày ý kiến số 02/2025/CV-HĐBankPGDDM ngày 17/01/2025 của Ngân hàng P1 – Phòng G thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DA131923 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 05/7/2021 đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ông T1 đang thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng vào ngày 03/8/2022, nhưng ngày 20/7/2023 ông T1 lại làm giấy mua bán đất để chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Mai T là không đúng quy định của pháp luật.

Khoản 8 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp như sau: “Không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp...”.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 6 của hợp đồng thế chấp số 27834/22MN/HĐBĐ, ngày 03/08/2022 quy định “Bên thế chấp cam kết tài sản thế chấp nói trên tại thời điểm ký thế chấp và trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng này bên thế chấp không thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan đến tài sản thế chấp, trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản của P”, tuy nhiên khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng P ông T1 lại thực hiện việc chuyển nhượng một phần thửa đất số 203, tờ bản đồ 06, đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là đã vi phạm nghĩa vụ của bên thế chấp và vi phạm điều cấm của pháp luật.

[2.1.2] Yêu cầu về việc trả tiền gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng góp vốn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, bởi lẽ:

- Về nợ gốc: Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 20/7/2023, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Mai T số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 20/12/2023 theo hình thức chuyển nhượng lại cho bà T diện tích đất 1000m², đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đến thời hạn theo thỏa thuận ông T1 không thực hiện đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ các bên đã thỏa thuận, do đó việc bà Trần Thị Mai T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất chậm trả:

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả là 0,83%/tháng (10%/năm) từ ngày 20/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 1.000.000.000 đồng x 0,83% x 01 năm 02 tháng 04 ngày = 118.690.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 750.000.000 đồng ông Nguyễn Văn T1 còn nợ bà Trần Thị Mai T, bà Trần Thị Mai T có quyền khởi kiện ông Nguyễn Văn T1 khi đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147; Điều 180; khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 123; khoản 8 Điều 320; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mai T:

- Tuyên giấy mua bán đất xác lập ngày 20/7/2023 giữa ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị Mai T vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

- Tuyên hợp đồng góp vốn giữa ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị Mai T không còn giá trị. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Mai T tổng số tiền 1.118.690.000 đồng (*Một tỷ một trăm mười tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi suất phát sinh là 118.690.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 45.560.700 đồng (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong đó 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) về giấy mua bán đất vô hiệu và 45.260.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) về việc phải trả cho bà Trần Thị Mai T số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Trần Thị Mai T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.241.000

đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006114, ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn bà Trần Thị Mai T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện Đắk Mil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng